

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 251/2024/DS-PT

Ngày 12/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa, ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLPT-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1997 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn 6, thị trấn ES, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Trịnh Thị T là cháu của bà; Ngày 02/5/2015 (âm lịch) tức ngày 17/6/2015 dương lịch, bà T vay của bà 10.000.000 đồng, không xác định thời hạn, với lãi suất là 05%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Đến tháng 9 năm 2023, bà yêu cầu bà T trả cho bà khoản tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi nhưng bà T không trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T phải trả số nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi, theo quy định của pháp luật là 1,5%/tháng tính từ ngày vay tiền đến khi bà T trả nợ xong.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trịnh Thị T trình bày: Vào ngày 02/5/2015 âm lịch, bà có vay bà H số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 5%/tháng; khi vay, không có thỏa thuận thời hạn trả, nhưng khoảng sau 3 tháng sau, bà đã trả cho bà H 10.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi là 1.500.000 đồng. Do bà T là mẹ của bà, nên khi trả tiền, các bên không lập giấy tờ đã trả nợ và bà cũng không lấy lại giấy vay tiền ngày 02/5/2015 âm lịch. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 23/5/2024, của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và 16.080.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 17/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng cộng 26.080.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2024, bị đơn là bà Trịnh Thị T có đơn kháng cáo cho rằng: Ngày 02/5/2011 âm lịch, bà có vay bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng; Sau đó 03 tháng, thì bà đã trả cho bà H 11.500.000 đồng, trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền nợ lãi 1.500.000 đồng. Tại thời điểm vay tiền, bà chỉ ghi ngày, tháng trên giấy vay tiền, không ghi năm; bà H đã viết thêm trong giấy vay tiền năm 2015 là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giám định lại chữ số “2015” có trong giấy vay và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án, đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 02/5/2015 ÂL, thể hiện bà Trịnh Thị T có vay của bà Nguyễn Thị H, tổng số tiền 10.000.000 đồng. Nội dung trên giấy vay tiền ngày 02/5 ÂL, bà T thừa nhận chữ viết, chữ ký trên giấy vay tiền là của bà. Tuy nhiên, bà T cho rằng trên thực tế số tiền vay này là vào ngày 02/05/2011 và bà đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho bà H nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả cho bà H số tiền đã vay và tiền lãi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền 10.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi, với lãi suất 1,5%/tháng, tính từ ngày 17/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì ngày 02/5/2015 âm lịch, tức ngày 17/6/2015 dương lịch, bà Trịnh Thị T viết giấy vay tiền bà Nguyễn Thị H 10.000.000đ. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền là của bà và thừa nhận có vay bà T 10.000.000đ vào năm 2015. Tuy nhiên bà T cho rằng khoảng 3 tháng sau khi vay tiền, bà đã trả cho bà T 10.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và 1.500.000đ tiền lãi nhưng bà H không thừa nhận.

Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả cho bà Hòa khoản tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà H 10.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và 16.080.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 17/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị T, không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Trịnh Thị T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 23/5/2024, của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi tính từ ngày 17/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.080.000 đồng. Tổng cộng là 26.080.000 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai số: AA/2023/0003582 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huân